TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:256/2020/QĐST-HNGĐ	*L, ngày 25 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 154/2019/TLST/HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Anh Hồng Minh Thân, sinh năm 1970.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 33, 38, 39, 55, 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Hồng Minh Tvà chị Nguyễn Thị C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về tài sản chung:

Anh Tvà chị C xác định có tài sản chung như sau:

- Quyền sử dụng diện tích đất 138m^2; thửa 102; số tờ bản đồ 13 tại địa chỉ thôn Q, xã Đ, L, Bắc Giang; Vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00240 QSDĐ/200/QĐ-CT-H ngày 18/02/2004 đứng tên anh Hồng Minh Tđại diện chủ hộ. Trị giá quyền sử dụng đất 10.000.000đồng/1m^2: 1.380.000.000 (Một tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng);
- 01 nhà 02 tầng trị giá: 162.231.000đồng.

Hai bên đương sự thoả thuận như sau:

- Anh Hồng Minh Tđược sử dụng diện tích đất 74,6 m^2 (phần có nhà 02 tầng) có các tứ cận: Phía Bắc giáp đường nhựa; phía Nam giáp phần đất chia chị C; phía Đông giáp đất bà Sinh; phía Tây giáp đường; gồm các cạnh 1-2 dài

10,49 m; 2-5 dài 7,1m; 5-6 dài 9,49m; 6-7 dài 1,97m; 7-1 dài 5,59m (Có sơ đồ kèm theo), trị giá là 746.000.000đồng.

Về tài sản trên đất: Anh Hồng Minh Tđược sở hữu 01 nhà hai tầng (Trị giá nhà 162.231.000đồng). Anh Hồng Minh Ttrích chia bằng tiền cho chị Nguyễn Thị C 100.000.000đồng tiền chia tài sản chung.

Tổng trị giá tài sản anh Hồng Minh Tđược chia 802.231.000đồng (Tám trăm linh hai triệu hai trăm ba mươi mốt nghìn đồng).

- Chị Nguyễn Thị C sử được dụng diện tích đất 63,4 m^2, có các tứ cận Phía Bắc giáp đất chia cho anh Thân; phía Nam giáp mương; phía Đông giáp đất bà Sinh; phía Tây giáp đường; gồm các cạnh 2-3 dài 9m; 3-4 dài 7m; 4-5 dài 9m; 5-2 dài 7,1m (có sơ đồ kèm theo), trị giá là 634.000.000đồng.

Tổng trị giá tài sản anh chị TThị C được chia 734.000.000đồng (Bẩy trăm ba mươi bốn triệu đồng).

Về chi phí tố tụng: Anh Hồng Minh Tphải trả cho chị Nguyễn Thị C 3.488.000đồng tiền tạm ứng chi phí tố tụng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp C quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí:

- Anh Hồng Minh Tnhận chịu 150.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu 18.123.400đồng tiền án phí chia tài sản. Tổng cộng 18.273.400đồng tiền án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2017/0004698 ngày 23/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang. Anh Tphải nộp thêm 17.973.000đồng tiền án phí.

- Chị Nguyễn Thị C phải chịu 16.680.000đồng tiền án phí chia tài sản chung nhưng được khấu trừ vào số tiền 14.000.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2017/0004788 ngày 01/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang. Chị C phải nộp thêm 2.680.000đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9, 7a và 7b Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã Đông Hưng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Linh